

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân,
cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2026-2030**

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; bám sát các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá chiến lược và các giải pháp chủ yếu đã đề ra; tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện trong công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và lộ trình thực hiện nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị.

- Phát huy vai trò lãnh đạo, định hướng xuyên suốt của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác cải cách hành chính, gắn với công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

- Nâng cao chất lượng và thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh và chất lượng quản trị, điều hành của tỉnh như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ

của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số chuyển đổi số (DTI)...; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện cải cách hành chính thuộc phạm vi phụ trách; tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, quyết liệt, thực chất, hiệu quả, bảo đảm “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ hiệu quả.

- Kết hợp chặt chẽ giữa cải cách hành chính với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy kết quả, hiệu quả thực chất làm thước đo đánh giá.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát chất lượng thực thi công vụ trong toàn hệ thống chính trị.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục tồn tại, hạn chế; chủ động rà soát, bổ sung, cập nhật các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp mới phù hợp với yêu cầu phát triển và tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Làm tốt công tác tư tưởng, thông tin, truyền thông chính sách trong suốt quá trình thực hiện, tạo sự thống nhất, đồng thuận; chủ động nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

II- MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Giai đoạn 2026-2030, tỉnh tập trung giải quyết những điểm nghẽn đang cản trở quá trình phát triển, nhất là tinh thần trách nhiệm, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đồng đều; chuyển đổi số chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ, thực chất; môi trường đầu tư, kinh doanh tuy đã được cải thiện nhưng chưa thật sự hấp dẫn, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, lợi thế và sức cạnh tranh của tỉnh.

Chương trình tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó xác định 03 khâu đột phá trọng tâm: (1) Xây dựng văn hóa công vụ chuyên nghiệp, hiện đại; nâng cao trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao chất lượng thực thi công vụ; (2) Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển dữ liệu số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông minh, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; (3) Cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, khơi thông và huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

Thông qua việc tập trung xử lý các điểm nghẽn và triển khai hiệu quả các khâu đột phá nêu trên, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng phục vụ Nhân dân, hiệu lực, hiệu quả quản trị công; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, góp phần đưa Đắk Lắk trở thành cực tăng trưởng của khu vực trong giai đoạn mới.

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Xây dựng nền hành chính tỉnh Đắk Lắk dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trách nhiệm, đạo đức công vụ; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt cao và bền vững.

- Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn, tạo nền tảng cho các thành phần kinh tế cùng phát triển, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Chỉ tiêu về các chỉ số

+ Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index): năm 2026 tăng 3 bậc so với năm 2025, tối thiểu xếp hạng 19/34 tỉnh, thành phố; đến năm 2030 nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

+ Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): năm 2026 tăng tối thiểu 2,5 - 3,0 điểm, thứ hạng tăng 8 - 10 bậc so với năm 2025, tối thiểu xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố, duy trì trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước đến năm 2030.

+ Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): năm 2026 cải thiện vị trí trong nhóm trung bình - cao của cả nước, cải thiện đồng bộ các chỉ số thành phần; đến năm 2030 nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

+ Chỉ số Hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): phấn đấu đạt 86% trong năm 2026; đến năm 2030, phấn đấu đạt tối thiểu 95%, nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

+ Chỉ số chuyển đổi số (DTI): năm 2026 xếp hạng 25/34 tỉnh, thành phố; đến năm 2030 nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

+ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII): năm 2026 xếp hạng 22/34 tỉnh, thành phố; đến năm 2030 xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố.

- Chỉ tiêu về xây dựng thể chế

+ Bảo đảm 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền được xây dựng, ban hành đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và khả thi; hoàn thành đúng tiến độ theo kế hoạch.

+ Bảo đảm 100% văn bản QPPL sau khi ban hành được kiểm tra kịp thời; 100% văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời.

+ Thực hiện rà soát, công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực một phần hằng năm theo đúng quy định.

+ Thực hiện đầy đủ công tác rà soát văn bản QPPL theo Kế hoạch và yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Bảo đảm 100% văn bản QPPL sau khi ban hành được tổ chức triển khai kịp thời.

+ 100% phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định pháp luật được tiếp nhận, xử lý, trả lời theo quy định.

- Chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp bằng hình thức điện tử. 100% cơ quan hành chính nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn của các cấp đạt tối thiểu 98%. 100% hồ sơ giải quyết quá hạn thực hiện xin lỗi theo quy định.

+ 100% phản ánh, kiến nghị của người dân được xử lý đúng hạn.

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp năm 2026 đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%; phần đầu đến năm 2030, đạt 98%.

+ 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ 100% kết quả giải quyết TTHC được cấp dưới dạng điện tử và có giá trị pháp lý.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công năm 2026 đạt tối thiểu 80%; phần đầu đến năm 2030 đạt 100%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công năm 2026 phần đầu đạt 85%; phần đầu đến năm 2030 đạt 100%.

+ Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến phát sinh năm 2026 đạt 80% và 100% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

+ 100% các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về lĩnh vực tổ chức bộ máy của cấp trên được cụ thể hóa kịp thời vào các văn bản hướng dẫn của địa phương.

+ 100% nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã được rà soát, phân định rõ trách nhiệm.

+ 100% các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thành việc rà soát sắp xếp; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; hoàn thành việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

+ 100% các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý hoàn thành phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức, viên chức bố trí theo vị trí việc làm.

+ Tiếp tục giảm bình quân 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025 (*cụ thể theo hướng dẫn của Trung ương*).

+ 100% người đứng đầu được đánh giá hằng năm gắn với kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số và chất lượng phục vụ người dân.

+ 100% cơ quan công khai kết quả đánh giá chất lượng thực thi công vụ.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản trị mạng, kỹ năng giải quyết thủ tục hành chính và kỹ năng phục vụ người dân, doanh nghiệp, hoàn thành trong năm 2027.

+ Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đánh giá, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ; cán bộ lãnh đạo quản lý có năng lực, tư duy đổi mới, sáng tạo trong các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

- Chỉ tiêu về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; chuyển đổi số

+ 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động.

+ 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

+ 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

+ 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

+ 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- + 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- + 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.
- + 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.
- + 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.
- + 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.
- + 100% cán bộ chuyên trách về CNTT, dữ liệu của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.
- + 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.
- + 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.
- + Ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV... vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại tỉnh.
- + Có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ phát triển chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

- Chỉ tiêu hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thu hút đầu tư

- + Tốc độ phát triển doanh nghiệp tăng bình quân 13%/năm; đến cuối năm 2030 trên địa bàn tỉnh có trên 29.000 doanh nghiệp đang hoạt động.
- + Phần đầu tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, khoảng 55% - 58% GRDP, khoảng 35% - 40% tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng trên 84% - 85% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5% - 9,5%/năm.
- + Giảm tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (*tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể*). Số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường năm sau tăng khoảng 15% - 20% so với năm trước.

- Chỉ tiêu liên quan đến Đề án 06

- + Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu đạt 80%.

+ Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu đạt 80%.

+ Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID đạt 100%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch đạt 100%.

+ Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính đạt 100%.

+ Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ BHYT, thẻ sinh viên đạt 80%.

+ Mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thế ngân hàng trên toàn quốc đạt 100%.

+ Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh đạt 100%.

+ Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động đạt 90%; các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học đạt 100%.

+ Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội; người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội đạt 100%.

+ Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm 80%; tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt 100%; An ninh, trật tự được bảo đảm, tội phạm lừa đảo giảm 50% so với năm 2025.

+ Tỷ lệ đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng được các cá nhân, tổ chức triển khai trên nền tảng dữ liệu dân cư, căn cước định danh điện tử và được ứng dụng hiệu quả trong thực tế đạt 30%.

(Chi tiết hệ thống chỉ tiêu theo Phụ lục I kèm Chương trình hành động này)

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, nhận thức và lề lối, tác phong làm việc

1.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; đổi mới mạnh mẽ lề lối, tác phong làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư duy và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức, nhất là người đứng đầu trong thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, từ thụ động sang chủ động, kiến tạo, phục vụ; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy chất lượng phục vụ làm thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng khoa học, chuyên nghiệp, hiện đại, dựa trên dữ liệu và công nghệ số; thực hiện nghiêm nguyên tắc làm việc theo chương trình, kế hoạch, tiến độ và sản phẩm cụ thể. Tăng tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường số; giảm hội họp hình thức, văn bản giấy; rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Người đứng đầu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; thực hiện nghiêm nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ hiệu quả; không khoán trắng, không buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo; trực tiếp tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, phát sinh và chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp trên về kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Người đứng đầu phải gương mẫu về đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân; xây dựng phong cách lãnh đạo sâu sát cơ sở, gần dân, trọng dân, lắng nghe, đối thoại và kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị chính đáng của người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tư duy đổi mới, tác phong công tác chuyên nghiệp; chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong thực tiễn; khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương và văn hóa công vụ trong toàn hệ thống chính trị

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ trong toàn hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các quy định về giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử và trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, nhất là tại các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chậm xử lý công việc hoặc lợi dụng quy trình để gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân.

- Tập trung khắc phục tình trạng làm việc cầm chừng, thiếu chủ động, sợ sai, sợ trách nhiệm; xác định rõ việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện nhiệm vụ cũng là hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình trong giải quyết thủ tục hành chính; công khai kết quả giải quyết hồ sơ; thực hiện xin lỗi người dân, doanh nghiệp đối với các trường hợp giải quyết hồ sơ quá hạn, chậm trễ hoặc có sai sót theo quy định; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

- Thực hiện nghiêm cơ chế sàng lọc, điều chuyển, thay thế cán bộ, nhất là người đứng đầu, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, năng lực hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc để cơ quan, lĩnh vực phụ trách trì trệ, kém hiệu quả.

1.3. Thiết lập cơ chế kiểm soát, giám sát xã hội và nâng cao chất lượng thực thi công vụ

- Xây dựng đồng bộ cơ chế kiểm soát, giám sát và đánh giá chất lượng thực thi công vụ theo hướng công khai, minh bạch, định lượng được kết quả; gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu quả công việc và trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu.

- Xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá trực tuyến đối với việc thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc và xử lý hồ sơ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức; kết nối, liên thông với hệ thống quản lý văn bản, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính và các nền tảng điều hành số của tỉnh.

- Hoàn thiện hệ thống đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, kết quả đầu ra và sản phẩm cụ thể; áp dụng các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) trong thực thi công vụ. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân.

- Thiết lập đồng bộ, công khai, thuận tiện các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, góp ý và đánh giá của người dân, doanh nghiệp thông qua cổng thông tin điện tử, ứng dụng số, đường dây nóng, hệ thống phản ánh hiện trường và các nền tảng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm tiếp nhận, xử lý và phản hồi kịp thời các phản ánh, kiến nghị phát sinh.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện và góp ý của Nhân dân, doanh nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và cộng đồng xã hội đối với hoạt động công vụ và quá trình tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Thực hiện thường xuyên việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung ứng dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính; khuyến khích thực hiện các cuộc khảo sát độc lập, khách quan để đánh giá đúng thực chất chất lượng phục vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

- Định kỳ công khai kết quả cải cách hành chính, kết quả đánh giá chất lượng thực thi công vụ, tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị nhằm nâng cao trách nhiệm giải

trình, tạo động lực thi đua và cải thiện chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

1.4. Có cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung

- Khuyến khích cán bộ chủ động nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, giải pháp mới, cách làm đột phá để tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội; mạnh dạn đổi mới phương pháp làm việc, linh hoạt xử lý công việc, chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; dám quyết định, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thiết lập cơ chế bảo vệ cán bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Khi cán bộ thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, làm đúng quy trình, quy định nhưng phát sinh rủi ro ngoài mong muốn thì phải được xem xét, đánh giá khách quan, công bằng; kịp thời động viên, bảo vệ để cán bộ yên tâm công tác, không tạo tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, né tránh trong thực thi công vụ. Đồng thời, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chủ trương khuyến khích đổi mới, sáng tạo để hợp thức hóa vi phạm, trục lợi cá nhân, tham nhũng, tiêu cực hoặc cố tình làm trái quy định.

1.5. Tăng cường công tác tư tưởng, truyền thông chính sách, dân vận và tạo đồng thuận xã hội trong thực hiện cải cách hành chính

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ số, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Tăng cường đối thoại, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Nhân dân, doanh nghiệp; qua đó nâng cao chất lượng phục vụ, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

- Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời công khai những tồn tại, hạn chế, nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế, môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh; tổ chức các chương trình truyền thông, hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư gắn với đối thoại doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin và triển khai dự án trên địa bàn tỉnh.

2. Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ cải cách hành chính trong công tác Đảng

- Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, bảo đảm sát thực tiễn, rõ thẩm quyền, kịp thời, thiết thực, dễ hiểu và có tính dự báo; thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn hoặc thiếu tính khả thi.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các đơn vị; bảo đảm tổ chức bộ máy vận hành linh hoạt, thông suốt, hiệu quả.

- Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, thủ tục hành chính trong công tác Đảng, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn. Chuẩn hóa, đơn giản hóa các quy trình lỗi trong hoạt động của cơ quan đảng và công tác xây dựng Đảng (*công tác văn phòng cấp ủy, kiểm tra, giám sát, tổ chức cán bộ, quản lý đảng viên, tuyên giáo...*); triển khai các thủ tục hành chính trong Đảng trên môi trường điện tử theo lộ trình của Trung ương.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ, bảo đảm hệ thống thông tin thông suốt, an toàn, đồng bộ. Triển khai hiệu quả các nền tảng, ứng dụng và cơ sở dữ liệu dùng chung trong các lĩnh vực tổ chức - cán bộ, tuyên giáo, dân vận, nội chính, kinh tế - xã hội, quản lý tài chính, tài sản Đảng bộ...

- Hoàn thành số hóa hồ sơ, tài liệu Đảng, xây dựng kho dữ liệu điện tử phục vụ công tác lưu trữ và đưa vào khai thác nhanh chóng.

3. Tập trung hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi chính sách, tạo đột phá trong cải cách thể chế

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách thể chế theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về “*Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*”, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*” và các Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm văn bản ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, có tính ổn định và khả năng dự báo cao. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đề xuất đổi mới quy trình xây dựng văn bản theo hướng khoa học, minh bạch, tăng cường tham vấn, bám sát yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW. Chú trọng xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp, gây khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW; tăng cường theo dõi tình hình tổ chức thi hành văn bản QPPL, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn; tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL thuộc thẩm quyền.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ: củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, xây dựng và kiểm tra văn bản; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, phòng ngừa, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi chính sách trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 13/01/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật: Ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và tổ chức thi hành văn bản QPPL; kết nối, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu pháp luật; nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên môi trường điện tử.

4. Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

4.1. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành thực sự cần thiết, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. Tập trung vào các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an... và các lĩnh vực có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

4.2. Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu

- Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ thực chất các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có

thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu có sẵn trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 667/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; thực hiện các phương án đơn giản hóa theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình, tăng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

4.3. Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công

- Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025, Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý theo ngành, theo lãnh thổ, không để tình trạng kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho người dân, tổ chức.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các TTHC theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Phát triển dịch vụ công trực tuyến theo hướng chủ động, cá nhân hóa, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường tích hợp, khai thác dữ liệu từ các hệ thống định danh, xác thực điện tử, đặc biệt là VNeID; từng bước cung cấp dịch vụ công không yêu cầu người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ đối với các trường hợp đủ điều kiện; hỗ trợ tự động điền thông tin, nhắc hạn, theo dõi và xử lý hồ sơ.

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và vận hành có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung,

tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; chú trọng hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ công.

5. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

- Rà soát sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch.

- Sắp xếp, giảm tối đa các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách theo đúng chỉ đạo của Trung ương.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp tỉnh và cấp xã theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền; bảo đảm không chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc can thiệp không cần thiết vào thẩm quyền của cấp dưới. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho cấp xã đối với các lĩnh vực đủ điều kiện, nhất là các nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; bảo đảm cấp nào gần dân, sát dân, giải quyết công việc hiệu quả hơn thì giao cấp đó thực hiện; tăng tính chủ động, linh hoạt và trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá và kiểm soát quyền lực sau phân cấp, phân quyền; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý sai phạm, tiêu cực, lạm quyền hoặc buông lỏng quản lý; bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực thi.

- Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin.

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao; đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý, tuyển dụng, sử dụng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức khi Trung ương ban hành quy định mới. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; đãi ngộ chuyên gia, công chức có trình độ chuyên môn sâu đồng bộ với hệ thống chức danh, vị trí việc làm, tạo động lực để cán bộ cống hiến lâu dài và phát triển gắn với chuyên môn.

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tuyển dụng công khai, minh bạch theo vị trí việc làm; ưu tiên tuyển dụng nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số. Hoàn thiện khung năng lực, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; bố trí đúng người, đúng việc, đúng sở trường. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ bằng sản phẩm cụ thể, kết quả đầu ra, tiến độ xử lý công việc và sự tin nhiệm của Nhân dân; thực hiện nguyên tắc “*có vào, có ra, có lên, có xuống*”; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đánh giá; gắn đánh giá với bổ nhiệm, quy hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tư duy đổi mới, tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí cán bộ có năng lực, chuyên môn sâu về cơ sở, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư, tài chính, tư pháp, công nghệ, chuyển đổi số.

- Phát triển toàn diện năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Hằng năm, đánh giá mức độ đáp ứng kỹ năng số theo vị trí việc làm, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tập trung bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản trị trong môi trường số, sử dụng dữ liệu và công cụ số trong chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; kỹ năng xử lý hồ sơ điện tử, khai thác, tái sử dụng dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo yêu cầu vị trí việc làm. Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng tăng thực hành, phát triển nền tảng học tập mở, trực tuyến, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tự nghiên cứu, học tập, thường xuyên cập nhật kỹ năng mới theo yêu cầu nhiệm vụ. Gắn kết quả đào tạo, mức độ thành thạo và hiệu quả ứng dụng kỹ năng số với đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

7. Đẩy mạnh cải cách tài chính công

- Triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công, nhất là sắp xếp, xử lý, khai thác nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước tại Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 và các quy định có liên quan.

- Thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định.

- Tập trung theo dõi, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm kế hoạch đề ra; kịp thời tham mưu điều chuyển vốn từ các dự án có khả năng không giải ngân hết sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, bảo đảm đúng quy định của Trung ương.

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách trên địa bàn; phân tích, đánh giá cụ thể từng nguồn thu, xác định các nguồn còn tiềm năng, các lĩnh vực, sắc thuế còn thất thu, kịp thời đề xuất giải pháp quản lý thu hiệu quả, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu hằng năm.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị

8.1. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số về phát triển, thu hút nhân lực; tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đối với đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số; khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập...

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu do tỉnh quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. Quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo nguyên tắc “Dữ liệu của cơ quan nhà nước mặc định mở và chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác”; danh mục ứng dụng, nền tảng trên mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

8.2. Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng băng thông rộng cố định chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 5G trên địa bàn tỉnh; ưu tiên phát triển mạng 5G tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh, đô thị đông dân cư, trung tâm thương mại, cụm công nghiệp, khu công nghiệp; bảo đảm phủ sóng 5G tại 100% thôn, bản và tổ dân phố trên địa bàn tỉnh vào năm 2030.

- Đầu tư vào hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, đảm bảo kết nối đến tất cả cơ quan nhà nước, khu công nghiệp và các đơn vị kinh tế quan trọng trong tỉnh;

nâng cấp hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II để đảm bảo an toàn và đồng bộ trên toàn tỉnh.

- Phát triển Kho dữ liệu dùng chung và công dữ liệu mở trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới; đảm bảo yêu cầu có thể kết nối, đồng bộ dữ liệu của tất cả các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh; thực hiện tái cấu trúc các dữ liệu từ các hệ thống thông tin đang vận hành khai thác của tỉnh, đảm bảo cung cấp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh trên nguyên tắc dữ liệu phải đảm bảo được nhu cầu sử dụng, có thể được khai thác từ các hệ thống bên ngoài.

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh, bảo đảm năng lực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số gắn với an toàn, an ninh thông tin theo quy định; khai thác hiệu quả nền tảng điện toán đám mây, bảo đảm năng lực lưu trữ và xác định lộ trình phát triển phù hợp.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt; duy trì, đầu tư thiết bị số dùng chung tại các cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai bệnh án điện tử (EMR) thay thế hoàn toàn bệnh án giấy tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh hạng tuyến tỉnh/chuyên khoa/khu vực; ứng dụng AI hỗ trợ chẩn đoán, điều trị; xây dựng nền tảng kết nối Kho dữ liệu y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện Đề án 06 (Sổ sức khỏe điện tử của người dân; liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh, giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe...); sử dụng VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế giấy trong khám, chữa bệnh; xây dựng bản đồ dịch tễ điện tử thời gian thực (Realtime GIS) để giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, nâng cấp các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh (*nền tảng trung tâm giám sát, điều hành thông minh; nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; nền tảng trợ lý ảo; ...*); tiến hành tích hợp với hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh của tỉnh trên các lĩnh vực. Tập trung phát triển Trung tâm IOC, hoàn thiện hạ tầng, hỗ trợ thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu phục vụ giám sát, điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; tích hợp cảm biến, công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, môi trường, quản lý đô thị, an ninh, trật tự...

- Mở rộng hạ tầng điện toán đám mây, ứng dụng công nghệ Blockchain, AI phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước; phát triển ứng dụng công nghệ số trong giao thông, quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.

- Duy trì, cập nhật và nâng cấp nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh Đắk Lắk.

8.3. Phát triển nguồn nhân lực số

- Triển khai thực thi các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao tại tỉnh Đắk Lắk.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ, lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Tổ chức các khóa đào tạo, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; đào tạo kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đột phá và các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng.

- Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo: Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh; đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, Điện tử, Tự động hóa, Điện tử viễn thông, ... chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của Cách mạng công nghiệp 4.0 như AI, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; đổi mới, cập nhật chương trình đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số.

8.4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng; triển khai giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, nâng cao khả năng chủ động thích ứng, phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng.

- Hằng năm, tổ chức các chương trình đào tạo, nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin cho cán bộ, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới bảo đảm an toàn thông tin mạng; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ phụ trách an toàn thông tin, gắn với phát huy đội ngũ nhân sự công nghệ thông tin của doanh nghiệp, tổ chức.

- Định kỳ đánh giá mức độ an toàn của các hệ thống thông tin; thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định; phấn đấu 100% hệ thống thông tin thuộc cơ quan nhà nước được đánh giá, phân loại cấp độ an toàn thông tin.

8.5. Phát triển chính quyền số

- Định kỳ cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Đắk Lắk phù hợp với các quy định hiện hành.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; phát triển các nền tảng, hệ thống dùng chung, nhất là Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ...

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên các nền tảng, nhất là thiết bị di động thông minh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, tiết kiệm chi phí. Số hóa toàn diện quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời rà soát, tối ưu hóa, đơn giản hóa các bước thực hiện.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, cải cách thủ tục hành chính và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Phát triển các nền tảng số phục vụ tổng hợp, phân tích dữ liệu trên cơ sở kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu công dân số phục vụ công tác quản lý.

- Triển khai, nâng cấp, hoàn thiện và phát huy vai trò giám sát, điều hành của Trung tâm điều hành đô thị thông minh, bảo đảm đồng bộ, liên thông, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định quản lý.

8.6. Phát triển kinh tế số

- Tập trung thúc đẩy, mở rộng ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh, gồm sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, thương mại và dịch vụ. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản chủ lực của địa phương lên các sàn thương mại điện tử; phát triển các mô hình kinh doanh an toàn trên nền tảng trực tuyến.

- Tổ chức giới thiệu các giải pháp chuyển đổi số của doanh nghiệp có thể mạnh về công nghệ đến doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương thức quản trị, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường.

- Thúc đẩy thanh toán điện tử không dùng tiền mặt trong các ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

8.7. Phát triển xã hội số

- Nâng cấp, mở rộng Nền tảng công dân số Đắc Lắc (Đắc Lắc Số), tích hợp các ứng dụng, dịch vụ, tiện ích trên một nền tảng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công, thanh toán trực tuyến, tra cứu thông tin và sử dụng các tiện ích số.

- Hoàn thiện, phát triển dữ liệu công dân số, hướng tới toàn bộ người dân có danh tính số.

- Duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân tại địa bàn khó khăn sử dụng dịch vụ số; góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ công, hạ tầng số và kỹ năng số giữa các vùng, nhóm dân cư.

Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các nền tảng, ứng dụng số phục vụ đời sống như VNeID, Sổ sức khỏe điện tử, VssID, eTax...; đẩy mạnh cài đặt, sử dụng ứng dụng Đắc Lắc Số.

- Cung cấp dữ liệu mở và từng bước mở các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để người dân, doanh nghiệp có thể chủ động tiếp cận, khai thác phục vụ nhu cầu cá nhân và sử dụng cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, thư viện phục vụ người dân. Huy động nguồn lực nhà nước và xã hội hóa đầu tư mạng Internet, trang thiết bị công nghệ thiết yếu tại các địa điểm công cộng như nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố, phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin, công nghệ số của Nhân dân; thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ sở thực chất, góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân.

9. Triển khai hiệu quả Đề án 06

9.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong quản lý nhà nước về phát triển công dân số, xã hội số, kinh tế số, chính phủ số; tạo lập, khai thác, sử dụng dữ liệu và ứng dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế - xã hội; phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân.

9.2. Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội

- Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, trong đó: Thực hiện công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, tập trung, thống nhất.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá, sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ẩn danh về dân cư, căn cước, định danh.

- Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, thủ tục; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như “Bản sao số”, “Mô hình địa điểm số” kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

9.3. Đẩy mạnh phát triển công dân số

- Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số. Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

- Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán...

- Triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về kỹ năng số của công dân, xây dựng chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi.

9.4. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

- Khẩn trương đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ khai thác, sử dụng cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ TTHC.

- Triển khai kiến trúc dữ liệu tỉnh Đắk Lắk bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

9.5. Phục vụ đổi mới và nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng các hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm thủ tục hành chính và các chỉ số điều hành; phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số, sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; xây dựng các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

- Triển khai nâng cấp Bản đồ số dân cư, xây dựng trợ lý ảo, ứng dụng AI, dữ liệu lớn phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

9.6. Góp phần thực hiện an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh - trật tự

- Tập trung đẩy mạnh việc tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội, triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội, nền tảng thiện nguyện, nền tảng hiến máu quốc gia và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Triển khai các giải pháp về xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Triển khai các công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu dân cư để phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; tích hợp dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai các giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

9.7. Bảo đảm an ninh mạng

Triển khai Trung tâm an ninh mạng tỉnh Đắk Lắk gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước; rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

9.8. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường kết quả triển khai thực hiện

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu; bảo đảm an ninh mạng; giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, xử lý kiến nghị, phản ánh trên ứng dụng VNeID; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trên cơ sở kết quả chấm điểm của phần mềm theo dõi, giám sát Đề án 06 (dean06.vn).

10. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

10.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo hướng đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực về vốn, đất đai, thị trường, khoa học - công nghệ; ưu tiên phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như chế biến sâu nông - lâm sản, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, du lịch, kinh tế biển và kinh tế số.

- Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các nhà đầu tư chiến lược, dự án có công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, thân thiện môi trường và có khả năng lan tỏa, kết nối chuỗi giá trị.

10.2. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, chuyển đổi số trong quản trị và hoạt động kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh. Cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh theo quy định.

- Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao, tăng cường liên kết giữa các khu vực, doanh nghiệp và chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ năng số cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ, năng lực quản trị hiện đại, đạo đức và văn hóa kinh doanh.

10.3. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh

- Nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực thi chính sách; chú trọng lấy ý kiến doanh nghiệp, nhà đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hạn chế phát sinh rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt cải cách thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh, cắt giảm thực chất chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường kiểm tra, giám sát công vụ, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

10.4. Phát triển hạ tầng và nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp

- Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về đất đai, quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và các nguồn lực phát triển. Đẩy nhanh chuẩn bị quỹ đất sạch, đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị; nâng cao năng lực kết nối vùng, giảm chi phí vận chuyển, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, triển khai dự án; nâng cao hiệu quả thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

- Phát huy vai trò cầu nối giữa chính quyền với doanh nghiệp; thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý kịp thời, hiệu quả kiến nghị của doanh nghiệp; thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư, công khai kết quả cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

(Chi tiết hệ thống nhiệm vụ theo Phụ lục II kèm Chương trình hành động này)

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc

1.1. Tổ chức học tập, quán triệt Chương trình hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình vào các chương trình, kế hoạch có liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả.

1.2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc căn cứ Chương trình hành động này xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch có liên quan để tổ chức thực hiện; bố trí ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, hiệu quả.

- Rà soát, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách phục vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thu hút đầu tư.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; kịp thời xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình; kịp thời báo cáo Thường trực Tỉnh ủy những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; xem xét trách nhiệm, xử lý nghiêm tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm, chậm triển khai hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

1.3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp với cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Chương trình hành động này. Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với quá trình xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng cải cách hành chính; kịp thời kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

1.4. Đảng ủy Công an tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06, phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh, an

toàn dữ liệu, an ninh mạng. Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội phục vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Hướng dẫn các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, cơ quan, đơn vị tuyên truyền, quán triệt Chương trình hành động đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới công tác cán bộ; thực hiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung được giao; kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót; xử lý hoặc tham mưu xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm theo quy định.

Trên đây là Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2026-2030; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ kiểm tra, đánh giá, kịp thời báo cáo kết quả và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Trung ương;
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương;
- Các Vụ địa phương II - VPTW Đảng;
- Vụ địa bàn V - UBKT Trung ương;
- Các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (yn).

(báo cáo)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Lương Nguyễn Minh Triết

PHỤ LỤC 1
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU LIÊN QUAN ĐẾN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026-2030
 (Kèm theo Chương trình hành động số 43-CT/TU, ngày 07/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
A	CÁC CHỈ SỐ					
1	Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index)	%	88,38% Xếp hạng 22/34	Tăng 3 bậc so với năm 2025, xếp hạng tối thiểu 19/34 tỉnh, thành phố	Thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất cả nước	Sở Nội vụ
2	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	81,53% Xếp hạng 26/34	86%	95% Thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất cả nước	Sở Nội vụ
3	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Điểm	62,46 điểm Xếp hạng 23/34	Tăng 2,5 - 3,0 điểm; Tăng 8 - 10 bậc so với năm 2025	Thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất cả nước	Sở Tài chính
4	Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI Index)	Điểm	Chưa công bố	Xếp hạng 25/34 tỉnh, thành phố	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Điểm	Không thực hiện đánh giá	Nằm trong nhóm trung bình - cao	Thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất cả nước	Sở Nội vụ
6	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ hạng	24/34	Xếp hạng 22/34 tỉnh, thành phố	Xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
II	Cải cách thủ tục hành chính					
1	Cơ quan hành chính nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	-	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
2	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC. <i>Trong đó:</i>	%	96,05%	Tối thiểu 95%	98%	Văn phòng UBND tỉnh
2.1	<i>Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư</i>	%	-	Tối thiểu 90%	Tối thiểu 90%	Văn phòng UBND tỉnh
2.2	<i>Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế</i>	%	-	Tối thiểu 90%	Tối thiểu 90%	Sở Y tế
2.3	<i>Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập</i>	%	-	Tối thiểu 90%	Tối thiểu 90%	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện	%	49,2%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử của tỉnh và có giá trị pháp lý	%	97%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	%	-	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	83,79%	85%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn của các cấp	%	97,47%	Tối thiểu 98%	Tối thiểu 98%	Văn phòng UBND tỉnh
8	Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa ngay sau khi tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả	%	94,9%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến phát sinh	%	77,66%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
III	Cải cách tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức					
1	Các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về lĩnh vực tổ chức bộ máy của cấp trên được cụ thể hóa kịp thời vào các văn bản hướng dẫn của địa phương	%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ
2	Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thành việc rà soát sắp xếp; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; hoàn thành việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý	%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
3	Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý hoàn thành phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức, viên chức bố trí theo vị trí việc làm	%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ
4	Tiếp tục tinh giản biên chế theo hướng dẫn của Trung ương	%	-	5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (so với năm 2025)		Sở Nội vụ
5	Tỷ lệ chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương theo vị trí việc làm quy định	%	-	100%	100%	Sở Nội vụ
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản trị mạng và các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng với nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới	%	-	100%	100% (Hoàn thành trong năm 2027)	Sở Nội vụ
7	Đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức bằng KPI	%	-	100%	100% (Hoàn thành trong năm 2026)	Sở Nội vụ

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
8	Tỷ lệ cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi) tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ xã	%	-	25%		Ban Tổ chức Tỉnh ủy
IV	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; chuyển đổi số					
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động	%	Chưa triển khai	30%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời	%	Chưa triển khai	0%	50%	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài	%	-	20%	70%	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	%	-	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải	%	-	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
	được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng					
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	-	40%	70%	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	%	-	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính	%	-	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường, ... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý	%	-	50%	90%	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	%	-	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (CNTT), dữ liệu của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	%	-	20%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
12	Các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ	%	-	50%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	%	Chưa triển khai	30%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Dự án đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP)	%	Chưa triển khai	0	≥ 1 dự án	Sở Khoa học và Công nghệ
V	Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư					
1	Tốc độ phát triển doanh nghiệp	Doanh nghiệp	20.242 DN	Tăng bình quân 13%/năm	≥ 29.000 DN	Sở Tài chính
2	Tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân	%	Chưa công bố	-	55% - 58% GRDP 35% - 40% tổng thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
3	Giải quyết việc làm	Người	55.800	56.000	≥ 84% - 85% tổng số lao động	Sở Nội vụ
4	Năng suất lao động	Triệu đồng/người	142,41	Tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm		Cục Thống kê

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
5	Số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường	Doanh nghiệp	3.794	Mỗi năm tăng khoảng 15% - 20% so với năm trước		Sở Tài chính
6	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	-	>20%	≥60%	Sở Khoa học và Công nghệ
VI	Đề án 06					
1	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	-	≥ 90%	≥ 95%	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu	%	-	50%	80%	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu	%	-	50%	80%	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh
4	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID	%	-	50%	100%	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử	%	-	100%	100%	Công an tỉnh; Sở Tài

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
	được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch					chính
6	Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính	%	-	50%	100%	Sở Tài chính
7	Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ Căn cước thay thế thẻ BHYT, thẻ sinh viên	%	-	50%	80%	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Mở rộng mô hình sử dụng thẻ Căn cước thay thế thẻ ngân hàng trên toàn quốc	%	-	-	100%	Ngân hàng nhà nước khu vực 11
9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh	%	-	-	100%	Sở Y tế
10	Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động	%	-	50%	90%	Sở Nội vụ
11	Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội; người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội	%	-	83%	100%	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
12	Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm	%	-	$\geq 70\%$	80%	Công an tỉnh
13	Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	%	-	100%	100%	Công an tỉnh

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Chương trình hành động số 22/CTr/TU, ngày 07/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Nhiệm vụ quy định về Trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ về lề lối, tác phong làm việc				
1	Quy định trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2026
2	Xây dựng quy chế làm việc khoa học, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại	Quy chế làm việc	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2026
3	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương và văn hóa công vụ	Chi thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2026
4	Thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ	Kế hoạch/Báo cáo kết quả kiểm tra	Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
5	Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá trực tuyến việc thực hiện nhiệm vụ	Hệ thống	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
6	Phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	Kế hoạch/Báo cáo kết quả giám sát	MTTQ tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
7	Xây dựng và triển khai Kế hoạch	Kế hoạch của UBND	Sở Nội vụ	Các sở, ban,	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
II	<i>Đẩy mạnh, thực hiện đồng bộ cải cách hành chính trong công tác Đảng, các cơ quan Đảng</i>				
1	Nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết, quyết định; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản không còn phù hợp	- Quy chế/quy định - Báo cáo	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Thường xuyên
2	Sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn	Đề án	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2026-2027 (rà soát định kỳ hằng năm)
3	Nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
4	Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và các lớp bồi dưỡng kỹ năng số, nghiệp vụ mới cho cán bộ các cấp	Kế hoạch	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Thường xuyên
5	Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, thủ tục hành chính trong công tác Đảng. Chuẩn hóa và đơn giản hóa các quy trình lỗi trong hoạt động của cơ quan đảng và công tác xây dựng đảng	Quyết định	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2026-2027 (rà soát định kỳ hằng năm)
6	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng; xây dựng văn phòng điện tử	Hệ thống quản lý văn bản điện tử của Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Thường xuyên
7	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ; triển khai các nền tảng, ứng	- Hệ thống hạ tầng CNTT được nâng cấp	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có	2026-2027 (nâng cấp hằng

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	dụng và cơ sở dữ liệu dùng chung	- Các cơ sở dữ liệu dùng chung		liên quan	năm)
8	Số hóa hồ sơ, tài liệu Đảng; xây dựng kho dữ liệu điện tử phục vụ lưu trữ, khai thác	Kho dữ liệu điện tử	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2030
III	<i>Tập trung hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi chính sách, tạo đột phá trong cải cách thể chế</i>				
1	Tổ chức triển khai các chủ trương, định hướng về cải cách thể chế theo các nghị quyết, kế hoạch của Trung ương và tỉnh	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi có chủ trương, định hướng của Trung ương
2	Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật; chú trọng xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân	- Nghị quyết của HĐND tỉnh - Quyết định của UBND/Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên
3	Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không phù hợp	Báo cáo	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
4	Tăng cường theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện văn bản	Báo cáo	Các sở, ban, ngành UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	QPPL; tiếp nhận, phân loại, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; đề xuất hoàn thiện pháp luật từ thực tiễn				
5	Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, xây dựng và kiểm tra văn bản	Đề án/Quyết định	Các sở, ban, ngành UBND cấp xã	Sở Nội vụ Sở Tư pháp	Hàng năm
6	Kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong xây dựng pháp luật	Kế hoạch	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
7	Ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kết nối, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu pháp luật; nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên môi trường điện tử	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
IV	<i>Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp</i>				
1	Ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC	Quyết định công bố TTHC theo thẩm quyền	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn				
2	Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.	Văn bản rà soát, đơn giản hóa TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
3	Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất.	Văn bản rà soát, đơn giản hóa TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4	Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.	Văn bản rà soát, đơn giản hóa TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
5	Cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở	Cơ sở dữ liệu	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành	UBND cấp xã	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025, Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ	Báo cáo kết quả	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
7	Triển khai dịch vụ công trực tuyến chủ động, cá nhân hóa	Kế hoạch/giải pháp triển khai	Văn phòng UBND tỉnh	Công an, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành liên quan	2026-2027
8	Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC	Quyết định/Nghị quyết về phân cấp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2026 (rà soát, bổ sung hằng năm)
9	Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp	Báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
10	- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đo lường sự hài lòng đối với dịch vụ y tế công; - Báo cáo kết quả đo lường sự	Báo cáo	Sở Y tế	Các Bệnh viện và cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	hài lòng đối với dịch vụ y tế công.				
11	- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đo lường sự hài lòng đối với dịch vụ giáo dục công; - Báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng đối với dịch vụ giáo dục công.	Báo cáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
V	Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc và tương đương thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã theo quy định; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ	Quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Năm 2026 (sau đó, rà soát hằng năm)
2	Rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và tương đương theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương	Các văn bản liên quan, Báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
3	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các	Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả				
4	Tăng cường phân cấp, phân quyền; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.	Quyết định/Nghị quyết	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp	Năm 2026 (sau đó, rà soát hằng năm)
5	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Tài chính	2026-2027
6	Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng	Đề án/Báo cáo	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.				
7	Hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Tài chính	Năm 2026
VI	<i>Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao; đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới</i>				
1	Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý, tuyển dụng, sử dụng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	Quy định/quy chế/văn bản hướng dẫn triển khai	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sau khi có văn bản quy định của Trung ương
2	Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
	Nâng cao chất lượng tuyển dụng và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tuyển dụng theo vị trí việc làm; ưu tiên tuyển dụng nhân lực chất lượng cao	- Kế hoạch tuyển dụng - Danh mục vị trí việc làm	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Hằng năm
3	Đánh giá cán bộ, công chức bằng KPI	Bộ tiêu chí, quy trình đánh giá	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước, kỹ năng lãnh đạo; nhất là kỹ năng chuyên đổi số	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
5	Liên kết, phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trình độ cao	Chương trình/ Kế hoạch liên kết	Các sở, ban, ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên
6	Xây dựng và phát triển các nền tảng học tập mở, trực tuyến nhằm hỗ trợ công chức, viên chức tự nghiên cứu, học tập suốt đời	Các nền tảng học tập trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan	Thường xuyên
7	Gắn kết quả đào tạo, mức độ thành thạo và hiệu quả ứng dụng kỹ năng số với đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức	Nội dung đánh giá được tích hợp trong bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hằng năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm
VII	Đẩy mạnh cải cách tài chính công				
1	Triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc,	Báo cáo/Văn bản đôn đốc kiểm tra	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành địa phương	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp				
2	Triển khai việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo theo quy định.	Báo cáo/Văn bản đơn đốc/Quyết định phê duyệt phương án tự chủ	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành, địa phương	Thường xuyên
3	Triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước tại Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 và các quy định có liên quan	Báo cáo	Các Sở, ban ngành, địa phương	Sở Tài chính	Thường xuyên
4	Tập trung theo dõi, đơn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo theo kế hoạch đề ra; kịp thời tham mưu điều chuyển nguồn vốn đối với một số dự án có khả năng không giải ngân hết vốn, sang các dự án giải ngân tốt đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Trung ương	Báo cáo/Văn bản đơn đốc	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành, địa phương	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách trên địa bàn, kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý thu; có đánh giá, phân tích cụ thể các nguồn thu, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu hằng năm.	Văn bản tham mưu	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành, địa phương	Thường xuyên
VIII	<i>Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị</i>				
1	Ban hành Nghị quyết quy định về chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
2	Ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
3	Ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Ban hành Khung Kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Đắk Lắk	Khung Kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Đắk Lắk	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
5	Ban hành Quy chế quản lý, khai thác và vận hành các dịch vụ giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
6	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Đắk Lắk	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
7	Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
8	Ban hành quy định kỹ thuật, quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin, dữ liệu; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở	Quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
9	Kế hoạch xây dựng, hoàn thiện và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
10	Phát triển hạ tầng số (băng rộng, 5G, mạng truyền số liệu chuyên dùng)	Hạ tầng số được nâng cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
11	Xây dựng hệ thống mạng WAN	hệ thống mạng WAN	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	tỉnh Đắk Lắk	tỉnh Đắk Lắk	Công nghệ	vị có liên quan	
12	Triển khai Cổng thông tin dữ liệu mở	Kế hoạch hạ tầng số 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
13	Triển khai hệ thống Hộp không giấy tờ	Hệ thống Hộp không giấy tờ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
14	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu ứng dụng nền tảng điện toán đám mây	Khung pháp lý chia sẻ dữ liệu; Cổng dữ liệu mở tỉnh; Liên thông CSDL quốc gia; Hệ thống tường lửa NGTW, SOC cho TTDL	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở quản lý CSDL chuyên ngành	Năm 2027
15	Trang bị, nâng cấp thiết bị số cho cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị	Trang thiết bị được nâng cấp	Các sở, ban, ngành UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
16	Triển khai chuyển đổi số ngành Y tế (Sử dụng Bệnh án điện tử (EMR) thay thế bệnh án giấy; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị; kết nối dữ liệu y tế với CSDLQG về dân cư; sử dụng VNeID thay thế thẻ BHYT)	- Bệnh án điện tử - Hệ thống AI hỗ trợ - Kết nối dữ liệu y tế	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Năm 2030
17	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu số: đất đai, rừng, thủy lợi, vùng nguyên liệu, OCOP, tài nguyên và môi trường. Ứng dụng GIS/WebGIS giám sát rừng, cảnh báo cháy	Cơ sở dữ liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; UBND các xã, phường	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	rừng, theo dõi biến động đất đai và môi trường. Ứng dụng nền tảng số trong dự báo thời tiết, sâu bệnh, thị trường nông sản				
18	Hoàn thành cơ sở dữ liệu ngành Công Thương	Cơ sở dữ liệu	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
19	Hoàn thành cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo	Cơ sở dữ liệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026
20	Triển khai Dự án: Xây dựng và triển khai ứng dụng IoT trong ngành xây dựng, giao thông thông minh	Dự án được triển khai	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2028
21	Triển khai AI trên dữ liệu lớn cho các ngành quan trọng: nông nghiệp, du lịch, quản lý đô thị, y tế	Ứng dụng AI được triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 102 xã/phường	2028
22	Đầu tư công nghệ mới (điện toán đám mây, AI, Blockchain, IoT) trong quản lý	Các ứng dụng công nghệ mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030
23	Xây dựng chính sách ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các ngành công nghệ, kỹ thuật, kinh tế số	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2027
24	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức triển khai các	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	chương trình đào tạo, bồi dưỡng			UBND cấp xã	
25	Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đối với đội ngũ giảng viên; hỗ trợ người học các ngành khoa học, công nghệ	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2027
26	Phát triển, hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh; đào tạo các chuyên ngành chuyên sâu như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu	Chương trình đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
27	Đầu tư phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, không gian sáng tạo	Kế hoạch	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2027
28	Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng thực tiễn, kỹ năng, công nghệ, tăng cường liên kết “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong đào tạo, thực hành, thực tập, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, nâng cao tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp	Văn bản chỉ đạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030
29	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng (triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp)	Hệ thống an toàn, thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
30	Đào tạo, nâng cao nhận thức về	Kế hoạch	Sở Khoa học và	Các cơ quan, đơn	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	an toàn thông tin		Công nghệ	vị có liên quan	
31	Cập nhật định kỳ Khung kiến trúc số tỉnh Đắk Lắk phù hợp với các quy định hiện hành	Quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026 và cập nhật hằng năm
32	Thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình	Quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành	Năm 2026
33	Phát triển dữ liệu công dân số, kết nối CSDL quốc gia về dân cư	Hệ thống dữ liệu công dân số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2030
34	Triển khai Dự án: Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng tỉnh Đắk Lắk	Dự án được triển khai	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2028
35	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học rừng, các loài nguy cấp quý hiếm trên địa bàn tỉnh. Cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu rừng của tỉnh	Cơ sở dữ liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2028
36	Kế hoạch triển khai Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026
37	Ban hành Đề án phát triển Kinh tế số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026
38	Xây dựng “Bản đồ số nông sản, sản phẩm OCOP, du lịch thôn buôn” hoạt động trên nền tảng số	Bản đồ số	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND các xã,	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	tỉnh Đắk Lắk			phường	
39	Triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	Năm 2026
40	Triển khai IoT và AI cho 10 vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm (cà phê, hồ tiêu, mía, tôm hùm)	60 xã, phường trên nền tảng dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm IOC; 102 các xã, phường; Sở Tài chính	2027-2028
41	Nâng cấp, mở rộng ứng dụng Đắk Lắk Số	Ứng dụng Đắk Lắk Số được nâng cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2030
42	Phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng; tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các dịch vụ số	Kế hoạch tuyên truyền	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
43	Triển khai nền tảng số trong văn hóa, thể thao, thư viện; phổ cập hạ tầng số cơ sở	Hạ tầng số tại cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp xã	Thường xuyên
IX	Đề án 06				
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư	Báo cáo/ Công văn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
2	Thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu	Quyết định công bố	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
3	Xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để	Sandbox	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá, sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ấn danh về dân cư, căn cước, định danh				
4	Ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử	Danh mục sản phẩm	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
5	Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số	Kho dữ liệu của công dân, tổ chức	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2030
6	Đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu	Cơ sở dữ liệu	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
7	Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của đơn vị để kết nối, chia sẻ thông tin về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Dữ liệu được đồng bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Năm 2026
8	Xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn	Thông tin thuê bao di động được xác thực	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Năm 2030

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý SIM rác				
9	Xác thực thông tin tài khoản ngân hàng với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý tài khoản ảo	Thông tin tài khoản ngân hàng được xác thực	Ngân hàng Nhà nước khu vực 11	Công an tỉnh	Năm 2030
10	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ chi trả an sinh	Dữ liệu được đồng bộ	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Thường xuyên
11	Nghiên cứu đề xuất triển khai Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước.	Hệ thống giám sát an ninh mạng đi vào hoạt động	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2026
12	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.	Các hệ thống, thiết bị được rà soát	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
13	Kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước	Quyết định/ báo cáo kiểm tra	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
14	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người	Báo cáo	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các cuộc họp hàng tháng của UBND tỉnh				
X	Nhóm nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp				
1	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh	Quyết định/ Chương trình	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
2	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, thị trường, khoa học và công nghệ	Chương trình/ Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
3	Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm	Kế hoạch	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm
4	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng KH-CN và chuyển đổi số	Đề án	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2026
5	Cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ,	Quyết định/Kế hoạch	Thuế tỉnh, Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	siêu nhỏ, hộ kinh doanh theo quy định				
6	Thúc đẩy liên kết doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu và tham gia chuỗi cung ứng trong nước, quốc tế	Chương trình liên kết	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
7	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; gắn kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ năng số cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh	Kế hoạch đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp	Hằng năm
8	Tham mưu nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực thi chính sách; hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hạn chế phát sinh rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp và nhà đầu tư	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hằng năm
9	Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện dự án	Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hằng năm
10	Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số, khu/cụm công nghiệp, khu kinh tế	Chương trình, dự án đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	Thường xuyên
11	Tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, quy hoạch, mặt bằng sản xuất; công khai, minh bạch thông tin quy hoạch	Quyết định/ Bản đồ quy hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
12	Thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị doanh nghiệp; khảo sát, công khai mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư	Hệ thống tiếp nhận kiến nghị	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
13	Công khai kết quả cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và các chỉ số đánh giá năng lực điều hành	Báo cáo	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hằng năm